

Bản án số: 105/2024/DS-ST
Ngày: 17-4-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Trung Thành

Bà Nguyễn Thị Hiếu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bé Thị Phụng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 898/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1717/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3432/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1977

Địa chỉ: E Đường số C, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: TDP P, P, B, Tỉnh Quảng Bình (theo giấy ủy quyền ngày 28/8/2023).

Bị đơn: Công ty Cổ phần T

Địa chỉ: 6 H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N, địa chỉ: F H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 15/4/2024).

Đại diện nguyên đơn, đại diện bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H đều trình bày:*

Vào ngày 26/9/2012, Nguyên đơn có ký kết Hợp đồng số: 01250/2012/HĐTV với bị đơn. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) với lãi suất là 1.701% tháng, lãi được trả theo hàng tháng, thời hạn cho vay là 3 tháng đến hết ngày 19/12/2012.

Vào ngày 19/12/2012, các bên ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01, gia hạn từ ngày 19/12/2012 đến 19/03/2013, lãi suất điều chỉnh 1.48% tháng.

Vào ngày 21/03/2012, các bên ký kết Phụ lục Hợp đồng số 02, gia hạn từ ngày 19/03/2013 đến 19/06/2013.

Vào ngày 19/06/2013, các bên ký Phụ lục hợp đồng gia hạn thời gian vay đến ngày 19/10/2016.

Vào ngày 23/12/2020, các bên ký Phụ lục hợp đồng lần thứ 06 gia hạn thời gian vay từ ngày 19/10/2016 đến ngày 19/10/2021, lãi suất là 0.6667%/tháng.

Tuy nhiên, từ tháng 5/2018 đến nay, bị đơn không thực hiện việc thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn.

Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bị đơn thực hiện việc thanh toán lãi và nợ gốc nhưng bị đơn vẫn không thực hiện.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn thanh toán ngay một lần tổng số tiền gốc và lãi hiện còn nợ nguyên đơn là 592.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 5/2018 đến tháng 4/2024 là $400.000.000 \text{ đồng} \times 0.6667\%/\text{tháng} \times 72 \text{ tháng} = 192.000.000 \text{ đồng}$. Yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản khai, quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tuấn K là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Bị đơn xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 400.000.000 đồng theo hợp đồng vay và các phụ lục hợp đồng như đại diện nguyên đơn đã trình bày và hiện nay còn nợ bị đơn tổng cộng 592.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 400.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 5/2018 đến tháng 4/2024 là 192.000.000 đồng.

Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuy nhiên do tình hình bị đơn hiện đang gặp khó khăn trong vấn đề tài chính do mới tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh nên chưa có khả năng thanh toán toàn bộ số nợ cho nguyên đơn một lần. Vì vậy, bị đơn đề nghị nguyên đơn cho bị đơn trả dần số nợ hàng tháng, mỗi tháng trả 70.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ do tình hình kinh doanh của bị đơn gặp khó khăn.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Bị đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, tuy nhiên với mong muốn hòa giải, bị đơn đề nghị nguyên đơn cho bị đơn được trả dần số tiền còn nợ hàng tháng, mỗi tháng trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ.

Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bị đơn trả một lần hết số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét, đơn khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ xác định đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn Công ty Cổ phần T là pháp nhân có trụ sở tại số F H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Xét, Hợp đồng số 01250/2012/HĐVT ngày 26/9/2012 được ký kết giữa hai bên tại thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực thi hành. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản hướng dẫn để điều chỉnh, giải quyết vụ án để điều chỉnh, giải quyết tranh chấp.

[1.3] Về chứng cứ: Các tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được đã được kiểm tra, tiếp cận, công khai tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và được người đại diện của các đương sự tiếp cận trước khi xét xử.

Tại phiên tòa, các đương sự không đề nghị thu thập hay giao nộp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu hoãn phiên tòa để các đương sự được tiếp cận với những chứng cứ mới do Tòa án thu thập và do bị đơn giao nộp. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết tranh chấp theo quy định tại khoản 4 Điều 96 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc của hợp đồng vay tiền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện hai bên đương sự thừa nhận: Nguyên đơn và bị đơn có ký kết và hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn 400.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng số 01250/2012/HĐVT ngày 26 tháng 9 năm 2012 phù hợp quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 474 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có căn cứ để được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi quá hạn của hợp đồng vay tiền của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015; Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do đó, lãi suất quá hạn bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: $0,6667\% \times 150\% = 1\%/tháng$.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi với mức lãi suất quá hạn là 0,6667%/tháng, với thời gian từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 4/2024.

Vì vậy, nợ lãi quá hạn từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 4 năm 2024 bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là $400.000.000 \text{ đồng} \times 0,6667\%/tháng \times 72 \text{ tháng} = 192.009.600 \text{ đồng}$;

Tại phiên tòa, đại diện hai bên đương sự thừa nhận số tiền lãi quá hạn của hợp đồng đã ký kết từ tháng 5 năm 2018 đến tháng 4/2024 là 192.000.000 đồng. Do đó yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi quá hạn với số tiền 192.000.000 đồng của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 2 và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao nên có căn cứ để được chấp nhận.

[3] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Bị đơn đề nghị trả mỗi tháng 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý.

Nguyên đơn yêu cầu trả một lần toàn bộ số nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, từ tháng 5/2018 bị đơn không thanh toán nợ tiền lãi, gốc cho nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay khi đến hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005. Do đó đề nghị của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận, cần buộc bị đơn trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.680.000 đồng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 474 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 2, điểm b khoản 2 Điều 4 và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014),

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D

Buộc Công ty Cổ phần T có nghĩa vụ thanh toán ngay cho bà Nguyễn Thị Ngọc D các khoản tiền còn nợ theo Hợp đồng số 01250/2012/HĐVT ngày 26/9/2012; Phụ lục hợp đồng số 1250/2012/PLHĐVT – lần 06 ngày 23/12/2020 tính đến ngày 17 tháng 4 năm 2024 là 592.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi 192.000.000 đồng.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng số 01250/2012/HĐVT ngày 26 tháng 9 năm 2012; Phụ lục hợp đồng số 1250/2012/PLHĐVT – lần 06 ngày 23 tháng 12 năm 2020, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm là 27.680.000 đồng, bị đơn phải chịu.

Nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho nguyên đơn 13.400.000 (Mười ba triệu bốn trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0044473 ngày 28/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương